

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 210/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2017

V/v “Ly hôn giữa anh N và chị A”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyên
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trang Văn Hai  
Ông Lôi Liên Minh
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Vũ Kim Hải - Cán bộ TAND TP Biên Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B:* Không tham gia.

Ngày 28/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. B - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1040/2017/TLST – HNGĐ ngày 19/5/2017 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Trần Huy N, sinh năm 1968

Địa chỉ: 181/8, KP 5B, phường T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai

*Bị đơn:* Chị Bùi Thị Ngọc A, sinh năm 1977

Địa chỉ: 181/8, KP 5B, phường T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai

(Chị A có đơn xin vắng mặt, anh N có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn anh N trình bày: Chúng tôi kết hôn với nhau vào năm 1996, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường T số 129, quyển số 1/1996, hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chỉ hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2014 chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp và bất đồng về quan điểm sống, vợ tôi thường xuyên chửi chồng con và xúc phạm danh dự gia đình bên nội. Thời gian đầu tôi còn cố gắng nhường nhịn khuyên giải để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không được. Nay tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và bà A không còn, hôn nhân không hạnh phúc, nên tôi làm đơn này xin được giải quyết ly hôn với bà A.

Về con chung: chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Bùi Minh Đ, sinh năm: 20/01/1998 và cháu Trần Bùi Minh P, sinh năm: 03/01/2006. Sau khi ly hôn tôi xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Bùi Minh P, tôi không yêu cầu bà A phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Bùi Minh Đ đã trên 18 tuổi có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn chị A vắng mặt nhưng tại bản tự khai chị trình bày: Tôi và ông Trần Huy N kết hôn với nhau vào năm 1996, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, hôn nhân tự nguyện. Chúng tôi chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng 03 năm trở lại đây thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp và bất đồng về quan điểm sống. Nay ông N làm đơn xin ly hôn thì tôi đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: chúng tôi có hai con chung là cháu Trần Bùi Minh Đ, sinh ngày 20/01/1998 và cháu Trần Bùi Minh P, sinh ngày 03/01/2006. Sau khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu Trần Bùi Minh P cho ông Trần Huy N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Bùi Minh Đ đã trên 18 tuổi có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với bà A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc A và ông Trần Huy N có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại UBND phường T nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết.

Quá trình chung sống theo ông N trình bày sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chỉ hạnh phúc được một thời gian đầu, đến năm 2014 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp và bất đồng về quan điểm sống, bà A thường xuyên chửi chồng con và xúc phạm danh dự gia đình bên nội. Bà A cũng thừa nhận vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp và bất đồng về quan điểm sống nên ông N làm đơn xin ly hôn thì bà đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai ông bà không ai có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm và đều tha thiết yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Do vậy nghĩ nên chấp nhận đơn xin ly hôn của ông N, giải quyết cho ông được ly hôn với bà A là phù hợp.

Về con chung: ông N, bà A có hai con chung là cháu Trần Bùi Minh Đ, sinh ngày 20/01/1998 và cháu Trần Bùi Minh P, sinh ngày 03/01/2006. Sau khi ly hôn bà A đồng ý giao cháu Trần Bùi Minh P cho ông Trần Huy N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu, tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông N có nguyện vọng nuôi cháu P, cháu P có nguyện vọng muốn ở với ông N. Thiết nghĩ nên giao cháu P cho ông N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Riêng cháu Trần Bùi Minh Đ đã trên 18 tuổi có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Về tài sản chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí HNGĐ sơ thẩm: ông N phải nộp 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 203, 205, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 40, 42, 43, 44, 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

#### **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Huy N được ly hôn với bà Bùi Thị Ngọc A.

Về con chung: Giao cháu Trần Bùi Minh P cho ông N nuôi dưỡng, tạm thời bà A không cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Trần Bùi Minh Đ đã trên 18 tuổi có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông N phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. B, biên lai số 009287 ngày 15/5/2017. Ông N đã nộp xong án phí HNGĐ-ST.

Ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP. B
- Các đương sự
- Thi hành án
- UBND phường T
- Lưu VP - HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Quyên**

Hội thẩm nhân dân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP. B
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Quyên**